

Số: 59 /BC-THCS NTr

Tam Mỹ Đông, ngày 17 tháng 05 năm 2024

BÁO CÁO
KẾT QUẢ THỰC HIỆN NHIỆM VỤ GIÁO DỤC
NĂM HỌC 2023-2024

I. Đặc điểm tình hình

1. Khái quát tình hình mạng lưới trường lớp, đội ngũ cán bộ quản lý, giáo viên, nhân viên, học sinh

1.1. Học sinh.

Đầu năm học, tổng số học sinh trường có 13 lớp với 454 học sinh, trong đó nữ 225 học sinh; học sinh dân tộc: 00 em, HS khuyết tật: 02, Học sinh cận nghèo: 03. Tỷ lệ huy động trẻ đúng độ tuổi vào lớp 6 đạt 100%.

Cuối năm học: 13 lớp, 453 học sinh (01 bỏ học: nữ lớp 9).

1.2. Tình hình đội ngũ CBQL, giáo viên, nhân viên

- Về số lượng: Tổng số viên chức, lao động: 33 người, nữ: 20. Trong đó:

+ Cán bộ quản lý: 02 người, nữ: 01;

+ TPT Đội: 01 người (Đầu năm học Trường hợp đồng 01 GV nam đến hết tháng 02 GV này nghỉ do trúng tuyển viên chức THPT, đầu tháng 03 Trường hợp đồng 01 GV nữ làm TPT Đội từ tháng 03/2024 đến nay);

+ Giáo viên: 24 người, nữ: 14; trong đó có 06 GV hợp đồng (CM: 02; HĐ trong biên chế: 04);

+ Nhân viên: 04 (04 nữ);

+ Viên chức phục vụ: 02 (01 nữ).

- Về chất lượng: có 100% CB, GV đạt chuẩn đào tạo, trong đó có 80% trên chuẩn; đa số đáp ứng được yêu cầu đổi mới giáo dục, 100% CBVC có thể sử dụng máy vi tính để soạn giảng.

- Số lượng đảng viên là 16 đ/c đạt tỷ lệ 48,5%, nữ: 10, tỷ lệ: 62,5%

1.3. Về cơ sở vật chất

Tổng số phòng học có 13 phòng học trong đó: kiên cố 13 phòng. Đủ để tổ chức cho học sinh học 2 buổi/ngày. Tất cả các phòng học đã được tu sửa nên đảm bảo cho việc dạy và học của nhà trường.

Các phòng làm việc khối HC- QT đều đảm bảo và được trang bị máy vi tính có kết nối mạng Internet.

Các công trình phục vụ nhu cầu thiết yếu cho HS, GV tạm đủ dùng (có 2 nhà vệ sinh HS: 76m² cho HS nam, nữ riêng, có 1 nhà để xe cho GV và 2 cho HS).

Sân trường đảm bảo xanh, sạch, đẹp, an toàn; có đủ diện tích để học sinh vui chơi và tập thể dục giữa giờ; có khu tập luyện TDTT và giáo dục thể chất có sân bóng chuyền kết hợp cầu lông, sân bóng đá mini, sân bóng rổ, hồ nhảy, đường chạy.

Từ tháng 01/2024 đến nay Trường không có phòng học bộ môn do đã phá dỡ, bàn giao mặt bằng cho Ban QLDA huyện chuẩn bị xây mới.

Theo Thông tư 13/2020/TT-BGDĐT quy định tiêu chuẩn cơ sở vật chất các trường mầm non, trường mẫu giáo, nhà trẻ, trường tiểu học, trường trung học cơ sở, trường trung học phổ thông và trường phổ thông có nhiều cấp học, đối với Nhà trường thì hệ thống cơ sở vật chất – kỹ thuật phục vụ giảng dạy học tập, sinh hoạt vẫn còn nghèo nàn, lạc hậu chưa đáp ứng yêu cầu đổi mới (thiếu nhà đa năng, phòng học bộ môn, thiết bị dạy học theo CTGDPT 2018, các phòng làm việc chức năng, bàn ghế hợp qui cách, ...).

2. Thuận lợi:

- Trường có sự chỉ đạo thường xuyên, sâu sát của Phòng GD-ĐT Núi Thành; sự quan tâm của Đảng ủy, UBND xã Tam Mỹ Đông; sự phối hợp của các ban ngành, đoàn thể xã và Ban đại diện cha mẹ học sinh trường.

- Đội ngũ CBGV trẻ, đa số nhiệt tình, có tinh thần trách nhiệm, tham gia tốt các hoạt động của nhà trường.

- Phòng học đầy đủ thực hiện dạy học 2 buổi/ ngày nên thuận lợi cho việc quản lý học sinh, xây dựng nề nếp học tập, sinh hoạt, tổ chức bồi dưỡng HS giỏi, phụ đạo yếu, dạy thể dục, hướng nghiệp và các hoạt động khác.

3. Khó khăn

- Quy mô lớp, học sinh ở địa phương với số lượng ít nhưng phải tham gia đầy đủ các cuộc thi và phong trào nên khó chọn HS, GV đảm trách nhiều môn dạy, nhiều khối lớp, dạy trái môn dẫn đến khó khăn trong đầu tư soạn giảng và nâng cao chất lượng.

- Nhân sự không đảm bảo: GV TPT do trường hợp đồng, nhân viên: không đảm bảo chuyên môn phụ trách thiết bị, y tế, CNTT...Số GV hợp đồng nhiều (07 GV) chưa ổn định nên chưa chú tâm nhiều đến chuyên môn.

- Phòng học bộ môn đã có quyết định đầu tư nhưng chưa xây dựng kịp thời.

- Thiết bị, đồ dùng dạy học theo CTGDPT mới còn hạn chế, chưa đảm bảo.

II. Kết quả đạt được

1. Công tác chỉ đạo xây dựng kế hoạch giáo dục (KHGD) nhà trường bảo đảm sử dụng hiệu quả đội ngũ giáo viên, cơ sở vật chất, thiết bị dạy học

1.1. Công tác chỉ đạo thực hiện việc xây dựng, công khai KHGD nhà trường:

Từ đầu năm học nhà trường đã xây dựng KHGD nhà trường (*Kế hoạch số 82/KH-THCSNT ngày 16/9/2023*) đảm bảo sử dụng hiệu quả đội ngũ giáo viên, cơ sở vật chất, thiết bị dạy học, đáp ứng yêu cầu đổi mới chương trình, sách giáo khoa giáo dục phổ thông; thực hiện hiệu quả các phương pháp dạy học tích cực; đảm bảo thống nhất giữa kế hoạch thực hiện Chương trình Giáo dục phổ thông 2018 và kế hoạch thực hiện Chương trình Giáo dục phổ thông 2006, tích hợp lồng ghép các nội dung dạy học với các hoạt động trải nghiệm khác để tăng cường giáo dục kỹ năng sống cho học sinh, đảm bảo mục tiêu hình thành, phát triển phẩm chất và năng lực học sinh theo khung Kế hoạch thời gian năm học 2023 - 2024 của UBND Tỉnh. Kế hoạch đã được thông qua Hội đồng trường và được sự thống nhất cao của toàn bộ CB-GV-NV nhà trường, đồng thời được công khai trên Website của đơn vị.

* Thời gian năm học: Thực hiện 35 tuần thực học Có 35 tuần thực học (học kỳ I có 18 tuần, học kỳ II có 17 tuần), cụ thể:

- Học kỳ I: Từ ngày 05/9/2023 đến ngày 13/01/2024 (có 18 tuần thực học, thời gian còn lại dành cho các hoạt động khác).

- Học kỳ II: Từ ngày 15/01/2024 đến ngày 25/5/2024 (có 17 tuần thực học, thời gian còn lại dành cho nghỉ lễ, tết và các hoạt động khác)

1.2. Kết quả chỉ đạo thực hiện việc tổ chức dạy học các môn học và các hoạt động giáo dục theo CTGDPT 2006 và CT GDPT 2018

* Khối lớp 6, 7, 8: Thực hiện Chương trình giáo dục phổ thông ban hành kèm theo Thông tư số 32/2018/TT-BGDĐT ngày 26/12/2018 của Bộ trưởng Bộ GDĐT và Thông tư 13/2022/TT- BGDĐT ngày 03/8/2022.

- Việc xây dựng và tổ chức thực hiện kế hoạch giáo dục được thực hiện theo Công văn số 5512/BGDĐT-GDTrH ngày 18/12/2020 của Bộ GDĐT về việc xây dựng và tổ chức thực hiện kế hoạch giáo dục của nhà trường. Yêu cầu giáo viên phát huy tinh thần trách nhiệm, linh hoạt, sáng tạo, chủ động trong giảng dạy Chương trình mới (Các phụ lục kèm theo Công văn 5512 được sử dụng để tham khảo trong việc xây dựng Kế hoạch dạy học các môn học Kế hoạch tổ chức các hoạt động giáo dục, Kế hoạch giáo dục của giáo viên, Kế hoạch bài dạy)

- Đối với những nội dung phù hợp và thuận lợi cho học sinh khai thác, sử dụng hiệu quả sách giáo khoa và học liệu dạy học trực tuyến, tổ chức dạy học đáp ứng yêu cầu cần đạt của chương trình; đối với những nội dung yêu cầu học sinh thực hành, thí nghiệm, tổ chức lựa chọn, sử dụng học liệu dạy học trực tuyến để dạy học hoặc hướng dẫn học sinh tự thực hiện ở nhà phù hợp với điều kiện thực tế.

- Đối với môn KHTN, Lịch sử và Địa lí thì giáo viên thuộc chuyên môn của phân môn nào thì đảm nhiệm phân môn đó. Thực hiện giảng dạy theo KHDH của Tổ chuyên môn được xây dựng từ đầu năm học.

- Đối với Hoạt động trải nghiệm, hướng nghiệp, theo Chương trình giáo dục phổ thông 2018, giáo viên được phân công đảm nhận các nội dung hoạt động của chương trình thực hiện đúng nhiệm vụ; phân định rõ nhiệm vụ thực hiện chương trình Hoạt động trải nghiệm, hướng nghiệp với nhiệm vụ của giáo viên làm công tác chủ nhiệm lớp theo quy định hiện hành.

- Đối với dạy học Nội dung giáo dục địa phương, vì đặc điểm nhân sự của trường nên phân công giáo viên chuyên môn Lịch sử, Địa lí đảm nhiệm, đảm bảo thực hiện đúng theo KHDH đầu năm.

Trong quá trình tổ chức thực hiện, các Tổ CM tăng cường sinh hoạt chuyên môn dựa trên NCBH, tổ chức dạy thử nghiệm các chuyên đề, tổ chức buổi sinh hoạt, trao đổi về tổ chức thực hiện chương trình; đánh giá, rút kinh nghiệm trong quá trình dạy học và điều chỉnh kịp thời kế hoạch dạy học phù hợp với thực tế tại địa phương, nhà trường, chủ động ứng phó với các tình huống dịch bệnh và các tình huống bất thường khác.

* Đối với lớp 9 thực hiện Chương trình giáo dục phổ thông 2006: Thực hiện dạy học theo hướng dẫn tại Công văn số 3280/BGDĐT- GDTrH ngày 27/8/2020 về việc hướng dẫn điều chỉnh nội dung dạy học cấp trung học cơ sở, trung học phổ thông. Tăng cường hỗ trợ các nội dung theo Chương trình giáo dục phổ thông

2018 khi xây dựng kế hoạch dạy học các môn học để chuẩn bị tốt cho học sinh lớp 9 học lên lớp 10 theo Chương trình giáo dục phổ thông 2018.

1.3. Kết quả thực hiện giáo dục đạo đức lối sống, giáo dục kỹ năng sống, công tác tư vấn tâm lý cho học sinh, xây dựng văn hoá ứng xử, công tác xã hội trong trường học

- Tiếp tục thực hiện Chỉ thị số 31/CT-TTg ngày 04/12/2019 của Thủ tướng Chính phủ về giáo dục đạo đức, lối sống cho học sinh, sinh viên; tăng cường công tác giáo dục kỹ năng sống, xây dựng văn hóa ứng xử trong trường học.

- Năm bắt, rà soát các học sinh có hoàn cảnh đặc biệt để có hướng giáo dục đồng thời tham mưu, đề xuất các tổ chức, đoàn thể hỗ trợ các em trong học tập. Thực hiện tốt nhiệm vụ giáo dục hòa nhập cho học sinh khuyết tật. Trường hiện có 02 em học sinh khuyết tật (Thị Thị Ni Na 8/1, Lương Nguyễn Huyền Diệu lớp 9/3 cả 2 em khuyết tật trí tuệ) đều được hưởng đầy đủ các chế độ và đảm bảo các điều kiện trong học hòa nhập. Việc giáo dục pháp luật, đạo đức, lối sống, kỹ năng sống; thực hiện quy tắc ứng xử văn hóa, giáo dục ngoài giờ lên lớp:

- Tiếp tục triển khai thực hiện Chỉ thị số 05-CT/TW của Bộ Chính trị "Học tập và làm theo tư tưởng, đạo đức, phong cách Hồ Chí Minh", chỉ đạo tổ chức thực hiện việc tích hợp giảng dạy nội dung đạo đức Hồ Chí Minh vào các môn học chính khoá và các hoạt động ngoại khoá trong nhà trường. Với các môn chính khóa, trên cơ sở mục tiêu và nội dung của môn học, nội dung giáo dục tích hợp tạo nên sự gắn bó nội dung học tập với thực tiễn cuộc sống, không gây nặng nề, quá tải chương trình.

- Phong trào thi đua “Xây dựng trường học hạnh phúc” được đẩy mạnh, quan tâm việc giáo dục kỹ năng sống cho học sinh. Tổ chức các hoạt động văn hóa, văn nghệ, thể dục thể thao, đưa âm nhạc dân gian, bài hát về ngành Giáo dục, trò chơi dân gian vào nhà trường trong các HĐGD NGLL, sinh hoạt Trung Thu, sinh hoạt chào mừng ngày nhà giáo Việt Nam...Tổ chức các hoạt động giáo dục lý tưởng cách mạng, đạo đức, giá trị và kỹ năng sống thông qua các video giáo dục trong các giờ chào cờ tại lớp, giờ SHCN, tiết HĐTN, HĐGDNGLL...; hoạt động tư vấn tâm lý cho học sinh. Thường xuyên tổ chức gặp mặt giữa lãnh đạo, giáo viên với học sinh nhà trường để nắm bắt và xử lý kịp thời tâm tư, nguyện vọng của học sinh, nhất là những học sinh có biểu hiện sa sút về học tập, vi phạm nội quy.

- Xây dựng và thực hành tốt quy tắc ứng xử văn hóa trong nhà trường. Giáo dục ý thức cho học sinh sử dụng internet, mạng xã hội-facebook thông qua các buổi sinh hoạt dưới cờ, công tác chủ nhiệm và làm việc với CMHS. Việc tổ chức hát quốc ca tại lễ chào cờ được duy trì thường xuyên vào sáng thứ hai đầu tuần theo nhịp trống Đội.

1.4. Kết quả thực hiện Đề án phát triển giáo dục thể chất và thể thao trường học; thực hiện dạy học môn Giáo dục thể chất theo Chương trình GDPT 2018

Tiếp tục triển khai thực hiện Quyết định số 1076/QĐ-TTg ngày 17/6/2016 của Thủ tướng Chính phủ về việc phê duyệt Đề án tổng thể phát triển giáo dục thể chất và thể thao trường học giai đoạn 2016-2020 và định hướng đến năm 2025: tiếp tục đẩy mạnh các hoạt động thể thao học sinh gắn kết với nội dung môn học

Giáo dục thể chất thuộc Chương trình giáo dục phổ thông 2018. Tiếp tục duy trì nền nếp thực hiện các bài thể dục, tập luyện và tổ chức thi đấu các môn thể thao trong Hội khỏe Phù Đổng cấp trường, tham gia thi TDTT cấp Huyện...nhằm phát triển thể lực toàn diện cho học sinh.

1.5. Tổ chức dạy học 02 buổi/ngày

Nhà trường tổ chức dạy học chính khóa vào buổi sáng, dạy bồi dưỡng học sinh giỏi, phụ đạo học sinh yếu, học Tin, Thể dục và tổ chức các hoạt động ngoài giờ lên lớp, ngoại khóa vào buổi chiều.

Tuy nhiên việc tổ chức dạy học 2 buổi/ngày theo hướng dẫn vẫn chưa thực hiện được vì còn thiếu các phòng bộ môn đạt chuẩn, chuyên môn của giáo viên để tổ chức các hoạt động chưa đảm bảo, điều kiện tổ chức các hoạt động trải nghiệm cho học sinh còn hạn chế.

Nhà trường dành thời gian buổi chiều vào giảng dạy các môn Nghệ thuật, Tin- Thể dục, nội dung GDĐP, bồi dưỡng học sinh giỏi, phụ đạo học sinh yếu,... nên lịch trong tuần vẫn kín nên xem như vẫn thực hiện 2 buổi trên ngày (kèm theo TKB).

2. Kết quả chỉ đạo thực hiện đổi mới phương pháp, hình thức tổ chức dạy học

2.1. Kết quả chỉ đạo thực hiện công tác đổi mới phương pháp, hình thức tổ chức dạy học.

- Xây dựng kế hoạch bài dạy bảo đảm các yêu cầu về phương pháp dạy học, kỹ thuật dạy học, kiểm tra, đánh giá, thiết bị dạy học và học liệu, nhằm phát triển phẩm chất, năng lực của học sinh trong quá trình dạy học; việc xây dựng kế hoạch bài dạy bảo đảm đủ thời gian để học sinh thực hiện nhiệm vụ học tập đã đặt ra, tránh việc áp dụng hình thức, khuôn mẫu trong việc xây dựng kế hoạch bài dạy. Tiến trình dạy học mỗi bài học được xây dựng thành các hoạt động học với mục tiêu, nội dung, sản phẩm học tập cụ thể mà học sinh phải hoàn thành, cách thức thực hiện linh hoạt để tổ chức dạy học phát huy tính tự học, chủ động, sáng tạo của học sinh.

Đối với môn Ngữ văn, thực hiện tốt yêu cầu đổi mới phương pháp dạy học theo hướng dẫn tại Công văn số 1850/SGDĐT-GDTrH ngày 07/9/2022 về việc hướng dẫn đổi mới phương pháp dạy học và kiểm tra, đánh giá môn Ngữ văn ở trường phổ thông. Kế hoạch bài dạy được giáo viên gửi lên vào thứ 7 hằng tuần trên Hồ sơ quản lý giáo án và được PHT, TTCM, TPCM (theo phân công) duyệt trước khi dạy.

2.2. Kết quả chỉ đạo thực hiện giáo dục STEM nhằm phát huy tính tích cực của học sinh trong dạy học và vận dụng kiến thức vào giải quyết các vấn đề thực tiễn.

Ngay từ đầu năm học, Nhà trường đã chỉ đạo các Tổ chuyên môn lên kế hoạch dạy học giáo dục Stem, phân công giáo viên bộ môn phụ trách dạy học Stem theo các chủ đề đã đăng kí. Thống kê cả năm có 10 bài học tổ chức dạy học giáo dục Stem của các môn Toán 7, KHTN6 (Sinh), KHTN8 (Hóa).

2.3. Kết quả chỉ đạo thực hiện việc tổ chức các hoạt động văn hóa-văn nghệ, thể dục-thể thao; tăng cường giao lưu, hợp tác nhằm thúc đẩy hứng thú học tập của

học sinh; việc sử dụng di sản trong dạy học một số môn học, hoạt động giáo dục phù hợp nhằm bảo vệ, phát huy các giá trị văn hóa truyền thống và tiếp thu tinh hoa văn hoá nhân loại.

Nhà trường thường xuyên tổ chức các hoạt động văn hóa-văn nghệ, thể dục-thể thao (Hội khoẻ Phù Đổng, Hội diễn văn nghệ, ngoại khóa...) trên cơ sở tự nguyện của nhà trường, cha mẹ học sinh và học sinh, phù hợp với đặc điểm tâm sinh lý lứa tuổi và nội dung học tập của học sinh trung học. Duy trì 03 câu lạc bộ (tiếng Anh, TDTT, Quyền trẻ em) hoạt động có hiệu quả, thiết thực; tăng cường giao lưu, hợp tác nhằm thúc đẩy hứng thú học tập của học sinh, bổ sung hiểu biết nhằm bảo vệ, phát huy về các giá trị văn hóa truyền thống dân tộc và tiếp thu tinh hoa văn hoá của nhân loại. Tiếp tục thực hiện tốt việc sử dụng di sản trong dạy học một số môn học, hoạt động giáo dục phù hợp.

2.4. Kết quả chỉ đạo thực hiện chuyển đổi số trong hoạt động dạy học và quản lý giáo dục; bao gồm ứng dụng công nghệ thông tin trong đổi mới phương pháp và hình thức tổ chức dạy học, kiểm tra đánh giá; trong quản lý quá trình dạy học và quản trị nhà trường.

Từ đầu năm học, nhà trường đã tăng cường thực hiện các nhiệm vụ chuyển đổi số trong hoạt động dạy học và quản lý giáo dục của các cấp theo lộ trình, bao gồm ứng dụng công nghệ thông tin trong việc đổi mới phương pháp và hình thức tổ chức dạy học, kiểm tra, đánh giá; ứng dụng công nghệ thông tin trong quản lý quá trình dạy học và quản trị nhà trường như Hồ sơ giáo dục, Quản lý giáo án, Sổ chủ nhiệm online, Sổ liên lạc điện tử, Học bạ điện tử, Sổ điểm điện tử, Sổ đăng bạ điện tử...

Động viên các thầy cô giáo tham gia các khóa học trực tuyến về Chuyển đổi số do Học viện chuyển đổi số quốc gia tổ chức để ứng dụng trong dạy học. Kết quả có 05 thầy cô đăng kí tham gia.

3. Thực hiện hiệu quả các phương pháp và hình thức kiểm tra, đánh giá

3.1. Công tác chỉ đạo tổ chức tập huấn việc thực hiện kiểm tra, đánh giá theo quy định tại các Thông tư hướng dẫn của Bộ GDĐT.

Nhà trường chỉ đạo GV tham gia đầy đủ các buổi tập huấn ra đề kiểm tra, đánh giá, sinh hoạt giao lưu chuyên môn cấp huyện.. để GV nắm bắt đầy đủ các quy định, hình thức, yêu cầu trong việc thực hiện kiểm tra đánh giá theo quy định của các thông tư hướng dẫn.

Thường xuyên chỉ đạo các Tổ CM, tổ chức họp đánh giá sau mỗi lần kiểm tra định kỳ để rút kinh nghiệm.

3.2. Kết quả chỉ đạo thực hiện kiểm tra, đánh giá học sinh theo quy định tại các Thông tư của Bộ GDĐT và công văn hướng dẫn của Sở GDĐT

Thực hiện việc đánh giá học sinh theo đúng các Thông tư hướng dẫn cho từng chương trình giáo dục: Khối 6,7,8 thực hiện theo T22/2021, Khối 9 thực hiện theo TT26/2020 và TT58/2011 của BGD; xây dựng kế hoạch kiểm tra, đánh giá phù hợp với kế hoạch dạy học; không kiểm tra, đánh giá vượt quá yêu cầu cần đạt hoặc mức độ cần đạt của chương trình giáo dục phổ thông.

Thực hiện có hiệu quả các hình thức, phương pháp kiểm tra, đánh giá, đánh giá thường xuyên và đánh giá định kỳ.

* Đối với kiểm tra định kì:

- Nhà trường tổ chức kiểm tra định kỳ tập trung 04 lần (02 kiểm tra giữa kỳ, 02 kiểm tra cuối kỳ). Trước mỗi lần kiểm tra định kỳ, nhà trường đều xây dựng kế hoạch hướng dẫn kiểm tra cụ thể thời gian, địa điểm, nội dung công việc, thành phần tham gia và nhiệm vụ của các thành viên. Đảm bảo xây dựng lịch kiểm tra các môn trong 1 khối và trong 01 ngày kiểm tra không quá 02 môn/01 khối lớp, có bố trí thời gian nghỉ trong đợt kiểm tra.

+ Chỉ đạo tổ chuyên môn xây dựng ma trận, đặc tả đề kiểm tra cho từng khối, ra đề kiểm tra đảm bảo tính chính xác, đồng đều giữa các mã đề trong cùng một khối lớp;

+ Quản lí chặt chẽ ma trận, đặc tả đề, duyệt đề kiểm tra của từng môn;

+ Kiểm tra, giám sát việc kiểm tra, đánh giá định kì của giáo viên nghiêm túc, đúng quy định, đúng lịch kiểm tra thống nhất, đúng thời lượng quy định, đúng nội dung và hình thức theo yêu cầu; đảm bảo kiểm tra được mục tiêu đánh giá được năng lực toàn diện của học sinh.

- Việc tổ chức ra đề:

+ Phải đảm bảo chất lượng, tính khách quan, công bằng, đánh giá đúng năng lực của học sinh, thực hiện nghiêm túc các văn bản hướng dẫn qui định về thời gian, nội dung, cấu trúc. Thực hiện nghiêm túc bảo mật việc ra đề và sao in đề (xây dựng kế hoạch, quy trình ra đề, sao in đề kiểm tra; giao nhiệm vụ; lựa chọn nhân sự, phê duyệt đề; ...).

+ Thành lập Ban ra đề đảm bảo cơ cấu, số lượng để thực hiện nhiệm vụ; lưu ý nhân sự Ban ra đề đảm bảo về chuyên môn, phù hợp với tình hình thực tế; xem xét các vấn đề liên quan đến tiêu cực có thể xảy ra trong dạy thêm, học thêm trái qui định. Cán bộ, giáo viên ra đề chịu hoàn toàn trách nhiệm về việc bảo mật đề kiểm tra trong quá trình ra đề và tổ chức kiểm tra.

- Việc tổ chức sao in đề:

+ Xây dựng kế hoạch sao in, thành lập Ban sao in đề kiểm tra (cụ thể thời gian, địa điểm, nội dung công việc, thành phần tham gia và nhiệm vụ của các thành viên);

+ Tổ chức sao in đảm bảo an toàn, bảo mật tuyệt đối (thời gian, địa điểm sao in, phương án bảo mật, an toàn cháy nổ ...);

+ Cán bộ, giáo viên, nhân viên sao in thực hiện nghiêm yêu cầu bảo mật (tuyệt đối không để cán bộ, giáo viên, nhân viên cũng như nhân sự không có trách nhiệm sao in tiếp xúc khu vực sao in);

- Tổ chức chấm kiểm tra, phân công giáo viên chấm chéo bài kiểm tra (trừ môn chỉ có 01 GV). Các môn sau thực hiện việc cắt phách bài kiểm tra (các môn Toán, Ngữ văn, tiếng Anh, KHTN, Vật lí, Hóa học).

4. Tổ chức, tham gia các kỳ thi, cuộc thi, hội thi

Tham gia đầy đủ các kỳ thi, cuộc thi, hội thi do các cấp phát động và tổ chức.

NỘI DUNG	Giải I	Giải II	Giải III	Giải KK	Công nhận	TỔNG
GVG cấp huyện		1			1	2
HSG 9 cấp huyện		1		14		15
HSG 9 cấp Tỉnh				2		2
HSG 6,7,8 cấp huyện	1	1	1	16		19
Stem cấp huyện				1		1

VH-HV cấp huyện				1		1
Vẽ tranh Ngày sách VN			1			1
Tin học trẻ cấp huyện		2		1		3
TDTT huyện			5	17		22
TDTT cấp tỉnh			3			3
TỔNG CỘNG	1	5	10	52	1	69

Tham gia cuộc thi Chăm sóc Mắt học đường có 01 tập thể được khen thưởng là có thành tích tốt: Lớp 6/3.

5. Phát triển mạng lưới trường, lớp; tăng cường các điều kiện đảm bảo chất lượng giáo dục; nâng cao chất lượng phổ cập giáo dục THCS

5.1. Phát triển mạng lưới trường, lớp:

Nhà trường đã tham mưu với phòng GD&ĐT trong việc xây dựng kế hoạch phát triển trường lớp: cụ thể trong năm học số lớp là 13 lớp (tăng 01 lớp 6), số học sinh tăng 60 em so với năm học trước.

Tên lớp	Số lượng đầu năm	Nữ	SL Khuyết tật	SL nghèo/cận nghèo	SL học sinh bỏ học	SL học sinh cuối năm	Ghi chú
6/1	39	17				39	
6/2	39	17				39	
6/3	40	19				40	
6/4	39	19				39	
Tổng cộng khối 6	157	72				157	
7/1	34	15				34	
7/2	34	15				34	
7/3	34	17				34	
Tổng cộng khối 7	102	47				102	
8/1	32	16	01	01		32	
8/2	32	17		01		32	
8/3	32	16				32	
Tổng cộng khối 8	96	49	01	02		96	
9/1	33	18				33	
9/2	32	19				32	
9/3	34	20	01	01	01	33	-1
Tổng cộng khối 9	99	57	01	01	01	98	
Tổng cộng toàn trường	454	225	02	03	01	453	

5.2. Tăng cường các điều kiện đảm bảo chất lượng giáo dục trung học; nâng cao chất lượng phổ cập giáo dục THCS

5.2.1. Công tác chỉ đạo

- Thực hiện quản lý, đánh giá đội ngũ giáo viên, cán bộ quản lý giáo dục trung học theo chuẩn nghề nghiệp giáo viên; chuẩn hiệu trưởng.

- Tiếp tục rà soát cơ cấu đội ngũ giáo viên theo môn học, hoạt động giáo dục; xây dựng và thực hiện kế hoạch tham mưu tuyển dụng, tiến hành đào tạo giáo viên bảo đảm số lượng và chất lượng, cân đối về cơ cấu, nhất là giáo viên các môn Tin học, Ngoại ngữ, Mĩ thuật, Âm nhạc và các môn tích hợp đáp ứng yêu cầu triển khai Chương trình GDPT 2018 theo lộ trình quy định.

- Bồi dưỡng nâng cao năng lực giáo viên và cán bộ quản lý giáo dục: Tiếp tục thực hiện hiệu quả việc tập huấn cho cán bộ quản lý, giáo viên làm công tác tư vấn tâm lý cho học sinh trung học; xây dựng kế hoạch đào tạo, bồi dưỡng giáo viên của một số môn học hiện tại để tiến tới mỗi giáo viên có thể đảm nhiệm dạy học toàn bộ môn học Khoa học tự nhiên, Lịch sử và Địa lí theo Chương trình GDPT 2018; cử GV tham gia bồi dưỡng năng lực sư phạm giáo viên dạy ngoại ngữ.

- Tăng cường cơ sở vật chất, trang thiết bị dạy học, học liệu: Sử dụng hiệu quả cơ sở vật chất, thiết bị dạy học, học liệu hiện có; xây dựng kế hoạch đầu tư, mua sắm bổ sung thiết bị dạy học thực hiện CT GDPT 2018, bảo đảm thiết thực, hiệu quả.

- Nhà trường tiếp tục triển khai thực hiện Nghị định 20/2014/NĐ-CP về công tác PCGD-XMC. Tham mưu UBND xã củng cố Ban chỉ đạo PCGD-XMC năm 2023, bổ sung các văn bản chỉ đạo và xây dựng kế hoạch điều tra, xử lý số liệu, xây dựng hồ sơ theo quy định. Thực hiện tốt công tác điều tra độ tuổi, xử lý thông tin, cập nhật và điều chỉnh những sai sót, đảm bảo duy trì bền vững PCGD THCS, xây dựng các biện pháp để nâng chuẩn PCGD.

5.2.2. Kết quả thực hiện:

* Việc đảm bảo các điều kiện thực hiện PCGD THCS theo quy định (CSVC, thiết bị dạy học, đội ngũ GV, nhân viên theo quy định tại Thông tư 07/2016/TT-BGDĐT ngày 22/3/2016).

- Nhà trường đã chỉ đạo bộ phận thiết bị rà soát các thiết bị tối thiểu hiện có và cung cấp các danh mục thiết bị còn thiếu cho GV để GV lựa chọn, đề nghị mua sắm bổ sung ngay từ đầu năm học. Tuy nhiên, thiết bị dạy học trực tiếp các khối hiện nay còn thiếu rất nhiều đặc biệt là thiết bị dạy học khối 8, do trên thị trường chưa đảm bảo, chủ yếu là thiết bị dạy học số.

* Kết quả phổ cập giáo dục THCS năm 2023:

+ Số lượng, tỉ lệ HS tốt nghiệp Tiểu học vào học lớp 6 năm học 2023-2024: 152; tỉ lệ: 100%

+ Số lượng, tỉ lệ HS tốt nghiệp THCS vào học lớp 10 (THPT, GDTX): 83/91; tỉ lệ: 91,2%

+ Số lượng, tỉ lệ HS hoàn thành CT THCS vào học giáo dục nghề nghiệp: 5; tỉ lệ: 5,5%.

+ Đạt PCGD THCS mức độ 3.

6. Kết quả chỉ đạo thực hiện lựa chọn SGK năm học 2023-2024

a. Kết quả đạt được:

Nhà trường tổ chức lựa chọn sách giáo khoa lớp 9 chương trình GDPT 2018 theo quy định tại *Thông tư số 27/2023/TT-BGDĐT ngày 28 tháng 12 năm 2023 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành Quy định về việc lựa chọn sách giáo khoa trong cơ sở giáo dục phổ thông và các Quyết định, văn bản hướng dẫn*

của UBND tỉnh Quảng Nam, của Sở GD&ĐT quy định cụ thể về tiêu chí lựa chọn sách giáo khoa phù hợp với đặc điểm kinh tế - xã hội tại địa phương và nhà trường. Hội đồng lựa chọn SGK lớp 9 chương trình GDPT 2018 của trường THCS Nguyễn Trãi được thành lập tại Quyết định số: 13/QĐ-THCSNT, ngày 29/01/2024 và tổ chức lựa chọn theo đúng quy trình.

b. Hạn chế, tồn tại:

- Quá trình nghiên cứu sách giáo khoa, giáo viên không có sách hướng dẫn, tài liệu hỗ trợ nên việc lựa chọn sách giáo khoa gặp không ít khó khăn.

- Thời gian để chọn sách giáo khoa khá ngắn, mà giáo viên phải nghiên cứu số lượng đầu sách khá nhiều. Do đó, giáo viên khó có thể nghiên cứu chuyên sâu, kỹ lưỡng được.

7. Kết quả chỉ đạo thực hiện đổi mới công tác quản lý giáo dục

7.1. Chỉ đạo việc quản lý hồ sơ, sổ sách trong nhà trường

- Nhà trường được tự chủ trong việc xây dựng và thực hiện kế hoạch giáo dục nhà trường. Kế hoạch giáo dục của nhà trường được xây dựng từ kế hoạch của tổ chuyên môn, công khai ngay từ đầu năm học.

- Tiếp tục thực hiện tinh giản hồ sơ, sổ sách trong nhà trường theo tinh thần của Chỉ thị số 138/CT-BGDĐT ngày 18/01/2019 của Bộ trưởng Bộ GDĐT. Nâng cao chất lượng sử dụng công nghệ thông tin trong tổ chức và quản lý các hoạt động chuyên môn; tiến hành sử dụng Hồ sơ giáo dục, Quản lý giáo án, Sổ chủ nhiệm online, Sổ liên lạc điện tử, Học bạ điện tử, Sổ điểm điện tử, Sổ đăng bạ điện tử... để nâng cao hiệu quả công tác quản lý giáo dục; cập nhật chính xác số liệu, khai thác, sử dụng thống nhất dữ liệu toàn ngành về trường, lớp, học sinh, giáo viên, trường chuẩn quốc gia và các thông tin khác trong quản lý, báo cáo. 100% học sinh toàn trường đăng kí thực hiện sổ Liên lạc điện tử với lệ phí 60.000đ/ 1năm.

7.2. Chỉ đạo quản lý hoạt động dạy thêm, học thêm

- Nhà trường không tổ chức dạy thêm, học thêm trong nhà trường. Quán triệt đến giáo viên tất cả các văn bản quy định về dạy thêm, học thêm; chuyển tải các văn bản quy định đến tất cả giáo viên trên kênh điều hành nội bộ trường: Thông tư số 17/2012/TT-BGDĐT quy định về dạy thêm, học thêm và Quyết định số 2499/QĐ-BGDĐT bãi bỏ một số Điều của Thông tư 17/2012/TT-BGDĐT. Tổ chức cho giáo viên viết cam kết không dạy thêm trái quy định theo mẫu hướng dẫn tại công văn số 2092/SGDDT-VP ngày 29/12/2017 của Sở GD&ĐT tỉnh Quảng Nam.

- Đánh giá về việc thực hiện: Đa số giáo viên thực hiện tốt các quy định về dạy thêm, học thêm theo các quy định hiện hành. Tuy nhiên vẫn còn một vài giáo viên dạy theo nhóm con cháu trong gia đình, bạn bè, phụ huynh nhờ phụ đạo...

Khó khăn trong việc quản lý dạy thêm, học thêm là vẫn còn tình trạng cả nê, vị tình; một số giáo viên dạy nơi khác về địa phương tổ chức dạy nhưng chưa có sự quản lý chặt chẽ theo quy định nên có sự sơ hở.

7.3. Chỉ đạo quản lý và sử dụng sách tham khảo

7.3.1. Việc thực hiện Chỉ thị số 643/CT-BGDĐT ngày 10/6/2022 về việc sử dụng sách giáo khoa và sách tham khảo trong các cơ sở giáo dục phổ thông.

Để thực hành tiết kiệm, chống lãng phí và nâng cao hiệu quả sử dụng sách giáo khoa, tăng tỷ lệ sách giáo khoa được sử dụng lại nhiều lần; không ép buộc

học sinh, gia đình học sinh mua sách tham khảo, sách bài tập theo Chỉ thị số 643/CT-BGDĐT, ngày 10/6/2022 của Bộ Giáo dục và Đào tạo về việc sử dụng sách giáo khoa và sách tham khảo trong các cơ sở giáo dục phổ thông nhà trường đã thực hiện:

- Quán triệt, tuyên truyền đến từng cán bộ, giáo viên và học sinh về việc giữ gìn, bảo quản sách giáo khoa; không viết, vẽ vào sách giáo khoa để sách giáo khoa được sử dụng lại lâu bền. Quán triệt CBVC tuyệt đối không được vận động học sinh hoặc cha mẹ học sinh mua xuất bản phẩm ngoài danh mục sách giáo khoa (đã được Bộ Giáo dục và Đào tạo phê duyệt; UBND tỉnh Quảng Nam phê duyệt hằng năm) dưới bất kì hình thức nào.

- Hằng năm nhà trường bố trí nguồn kinh phí hợp lý để mua sách giáo khoa bổ sung cho thư viện, tổ chức cho học sinh có hoàn cảnh khó khăn, con gia đình chính sách... mượn sách giáo khoa để học tập. Mỗi năm học có kế hoạch vận động học sinh và các mạnh thường quân quyên góp, ủng hộ sách giáo khoa cũ vào thư viện để học sinh các lớp sau tiếp tục được mượn và sử dụng

7.3.2. Việc thực hiện Thông tư số 21/2014/TT-BGDĐT về quản lý và sử dụng xuất bản phẩm tham khảo trong nhà trường:

*Tình hình thực hiện:

- Hằng năm nhà trường xây dựng các quy định chi tiết về lựa chọn, mua sắm, quản lí, sử dụng sách tham khảo và thông báo đến phụ huynh danh mục bao gồm các loại sách cần thiết cho các môn học đảm bảo các yêu cầu:

- + Phù hợp với mục tiêu, nội dung chương trình giáo dục do Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành đối với từng cấp học, lớp học.

- + Đảm bảo tính khoa học, tính chính xác, tính sư phạm và tính thẩm mỹ.

- + Phù hợp với tâm sinh lí lứa tuổi của đối tượng sử dụng; không trái với văn hóa, lịch sử, địa lí, đạo lí và thuần phong mỹ tục Việt Nam; phù hợp với xu hướng hội nhập quốc tế.

- + Có tác dụng giáo dục tinh thần yêu nước, lòng tự hào dân tộc; đảm bảo giữ gìn an ninh chính trị, trật tự xã hội và giữ vững chủ quyền quốc gia.

- + Không vi phạm các quy định của pháp luật.

- Vào đầu mỗi năm học, BGH nhà trường phân công nhân viên phụ trách thư viện lập phiếu nhu cầu mua sách cho các tổ chuyên môn để lấy ý kiến đề xuất của GV. Sau đó tổng hợp đề xuất danh mục xuất bản phẩm tham khảo và trình HT thành lập hội đồng mua sắm để lựa chọn xuất bản phẩm tham khảo, cân đối nguồn kinh phí, quy mô của nhà trường, số lượng và chất lượng xuất bản phẩm tham khảo để xem xét, phê duyệt. Sau khi mua sắm được kiểm tra chặt chẽ trước khi nhập kho sử dụng.

- Quán triệt giáo viên lựa chọn được những xuất bản phẩm tham khảo có chất lượng và sử dụng có hiệu quả trong quá trình giảng dạy và nghiên cứu; tuyệt đối không được sử dụng những nội dung vượt quá chuẩn kiến thức, kĩ năng của chương trình, sách giáo khoa trong các xuất bản phẩm tham khảo để kiểm tra, đánh giá kết quả học tập của học sinh trong quá trình dạy học; không được lạm dụng vị trí công tác của mình để thực hiện hoặc tham gia thực hiện việc ép buộc, vận động học sinh hoặc cha mẹ học sinh mua xuất bản phẩm tham khảo dưới bất

kì hình thức nào.

* Khó khăn, vướng mắc

- Hiện nay nắm bắt được nhu cầu ngày càng cao về sử dụng SGK của học sinh, nhiều nhà xuất bản đã đưa ra thị trường SGK ở tất cả các khối lớp, hầu như môn học nào cũng có SGK nhằm mang lại lợi nhuận cao. Người mua có thể tìm thấy các loại SGK xuất hiện tràn lan trong các nhà sách, rao bán online... Tình trạng phụ huynh và HS lúng túng không biết lựa chọn sách nào phù hợp trước cả ngàn cuốn SGK với chất lượng kém đang bị thả nổi trên thị trường.

- Bên cạnh những mặt tích cực của SGK, có những HS quá lạm dụng sẽ dẫn đến việc các em lệ thuộc vào SGK sẽ bị thụ động trong học tập, không nắm được kiến thức cơ bản trong SGK, mất phương hướng, hứng thú trong học tập.

* Giải pháp đã thực hiện:

Nhà trường quán triệt CBVC, phụ huynh, học sinh chấp hành nghiêm túc việc thực hiện Thông tư số 21/2014/TT-BGDĐT về quản lý và sử dụng xuất bản phẩm tham khảo trong nhà trường.

Hướng dẫn HS sử dụng các nguồn SGK chất lượng; khuyến khích các em đến thư viện nhà trường để đọc và mượn SGK đảm bảo phù hợp với từng cấp học.

7.4. Chỉ đạo công tác kiểm tra

Đầu năm học nhà trường đã xây dựng Kế hoạch kiểm tra nội bộ trong năm học, có quyết định phân công nhiệm vụ từng thành viên trong Ban kiểm tra; lên kế hoạch kiểm tra từng GV, từng tổ theo tháng với các nội dung kiểm tra cụ thể.

- Kết quả: + Số GV được kiểm tra chuyên đề: 18 Xếp loại: 18/18 Tốt

+ Số GV được kiểm tra hoạt động sư phạm: 07 Xếp loại: 7/7 Tốt

- Thực hiện kiểm tra hồ sơ sổ sách GV, hồ sơ Tổ CM 02 lần/ 1 năm

7.5. Kết quả chỉ đạo việc giao quyền tự chủ cho các cơ sở giáo dục; đổi mới sinh hoạt chuyên môn của tổ chuyên môn dựa trên nghiên cứu bài học, đổi mới sinh hoạt chuyên môn theo cụm trường.

a. Kết quả đạt được:

- Nhà trường được Phòng GD&ĐT giao quyền tự chủ cho trong việc xây dựng KH dạy học để giảng dạy. Theo tình hình thực tế của Nhà trường, các tổ CM đã xây dựng KH dạy học ngay từ đầu năm học và đã được Nhà trường phê duyệt, công khai trên các mạng thông tin của Trường.

- Nhà trường chỉ đạo Tổ CM **tổ chức sinh hoạt tổ chuyên môn theo hướng nghiên cứu bài học 3 lần / 1 học kỳ**, xây dựng các tiết dạy để học tập, trao đổi về chuyên môn thông qua việc thực hiện các hoạt động thao giảng, chuyên đề. Kết quả: Có 12 bài học được dạy minh họa trong SHCM theo NCBH.

- Tăng cường sinh hoạt chuyên đề về các vấn đề: chuyên môn, quản lý học sinh, bồi dưỡng thường xuyên... trong các buổi sinh hoạt tổ.

- Tham gia sinh hoạt cụm theo kế hoạch của Phòng GD&ĐT.

b. Hạn chế, tồn tại:

* Hạn chế: Sinh hoạt chuyên môn theo nghiên cứu bài học được PGD đánh giá chưa thể hiện rõ được nội dung nghiên cứu cần giải quyết trong bài học.

* Nguyên nhân: Chưa xác định rõ được phương pháp trọng tâm trong nghiên cứu bài học, còn thể hiện ở mức độ cá nhân giáo viên được phân công thực hiện.

* Giải pháp: Các Tổ CM cần thể hiện rõ hơn trong biên bản SHCM theo NCBH nội dung cần giải quyết vấn đề trong các tiết dạy minh họa. 7.6. Kết quả chỉ đạo, kiểm tra việc thực hiện chính sách, pháp luật về giáo dục, đào tạo; việc đẩy mạnh thực hiện xã hội hóa giáo dục, hợp tác quốc tế trong giáo dục trung học.

a. Kết quả đạt được:

Chú trọng công tác tuyên truyền, phổ biến, quán triệt các chủ trương, đường lối, chính sách, pháp luật trong trường học với nhiều hình thức phong phú, đa dạng, phù hợp với tình hình nhà trường; xây dựng kế hoạch và tổ chức triển khai kịp thời, đầy đủ các văn bản, quy định pháp luật về lĩnh vực giáo dục mới ban hành; nâng cao chất lượng công tác phổ biến giáo dục pháp luật trong nhà trường, công tác truyền thông giáo dục và đào tạo. Từ đó, ý thức tuân thủ pháp luật, tính đồng thuận, tinh thần trách nhiệm cao trong việc triển khai thực hiện nhiệm vụ, công vụ của đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức và người lao động trong nhà trường có nhiều chuyển biến tích cực.

Bám sát các chủ trương, chính sách, các quy định pháp luật trong việc xây dựng kế hoạch giáo dục của nhà trường; tập trung triển khai kế hoạch năm học đúng trọng tâm, kết quả các hoạt động giáo dục mang lại hiệu quả giáo dục cao; đổi mới công tác quản lý, quản trị trường học theo hướng tinh gọn, hiện đại, minh bạch; đổi mới phương pháp, hình thức tổ chức dạy học và kiểm tra, đánh giá theo định hướng phát triển năng lực học sinh, nâng cao chất lượng giáo dục toàn diện, nhất là giáo dục mũi nhọn; tăng cường ứng dụng công nghệ thông tin và chuyển đổi số trong giáo dục và đào tạo; đẩy mạnh công tác bồi dưỡng thường xuyên, bồi dưỡng nâng cao năng lực quản lý, giảng dạy đáp ứng chuẩn hiệu trưởng, chuẩn nghề nghiệp giáo viên, đảm bảo đội ngũ giáo viên đủ điều kiện, năng lực đáp ứng yêu cầu, nhiệm vụ; quan tâm đối với học sinh có hoàn cảnh khó khăn; thực hiện đầy đủ, kịp thời đúng chế độ quy định đối với nhà giáo và người học.

Công tác xã hội hóa giáo dục, thu hút các nguồn lực của xã hội, sự quan tâm của các tổ chức, cá nhân đến sự phát triển giáo dục và đào tạo. Đặc biệt nhà trường nhận được sự đóng góp cho quỹ khuyến học của nhà trường do cựu học sinh đóng góp.

b. Hạn chế, tồn tại:

Công tác xã hội hóa giáo dục còn hạn chế, công tác vận động kêu gọi đầu tư hiệu quả chưa cao.

8. Chất lượng giáo dục

* Đối với lớp 6,7,8 thực hiện theo CTGDPT 2018:

BẢNG THỐNG KÊ TỈ LỆ XẾP LOẠI KẾT QUẢ HỌC TẬP VÀ KẾT QUẢ RÈN LUYỆN

Năm học 2023 - 2024

STT	Lớp	Số	Kết quả học tập								Kết quả rèn luyện							
			Tốt		Khá		Đạt		Chưa Đạt		Tốt		Khá		Đạt		Chưa Đạt	
			SL	TL	SL	TL	SL	TL	SL	TL	SL	TL	SL	TL	SL	TL	SL	TL
TỔNG CỘNG		355	125	35,21%	125	35,21%	93	26,20%	12	3,38%	309	87,04%	44	12,39%	2	0,56%	0	0,00%
Khối 6		157	52	33,12%	53	33,76%	46	29,30%	6	3,82%	137	87,26%	20	12,74%	0	0,00%	0	0,00%
1	6/1	39	11	28,21%	13	33,33%	14	35,90%	1	2,56%	35	89,74%	4	10,26%	0	0,00%	0	0,00%
2	6/2	39	14	35,90%	17	43,59%	7	17,95%	1	2,56%	35	89,74%	4	10,26%	0	0,00%	0	0,00%
3	6/3	40	16	40,00%	11	27,50%	12	30,00%	1	2,50%	35	87,50%	5	12,50%	0	0,00%	0	0,00%
4	6/4	39	11	28,21%	12	30,77%	13	33,33%	3	7,69%	32	82,05%	7	17,95%	0	0,00%	0	0,00%
Khối 7		102	38	37,25%	33	32,35%	27	26,47%	4	3,92%	89	87,25%	12	11,76%	1	0,98%	0	0,00%
5	7/1	34	12	35,29%	12	35,29%	8	23,53%	2	5,88%	26	76,47%	7	20,59%	1	2,94%	0	0,00%
6	7/2	34	11	32,35%	13	38,24%	9	26,47%	1	2,94%	32	94,12%	2	5,88%	0	0,00%	0	0,00%
7	7/3	34	15	44,12%	8	23,53%	10	29,41%	1	2,94%	31	91,18%	3	8,82%	0	0,00%	0	0,00%
Khối 8		96	35	36,46%	39	40,63%	20	20,83%	2	2,08%	83	86,46%	12	12,50%	1	1,04%	0	0,00%
8	8/1	32	9	28,13%	14	43,75%	9	28,13%	0	0,00%	26	81,25%	5	15,63%	1	3,13%	0	0,00%
9	8/2	32	17	53,13%	10	31,25%	4	12,50%	1	3,13%	29	90,63%	3	9,38%	0	0,00%	0	0,00%
10	8/3	32	9	28,13%	15	46,88%	7	21,88%	1	3,13%	28	87,50%	4	12,50%	0	0,00%	0	0,00%

- Về kết quả học tập so với cùng kì năm học 2022-2023:

+ Khối 6: Tỉ lệ HS xếp loại Tốt giảm 1,19%, Khá tăng 4,35% ; HS xếp loại Đạt giảm 1,09%, loại CĐ giảm 2,06%.

+ Khối 7: Tỉ lệ HS xếp loại Tốt tăng 4,73%, Khá giảm 3,28% ; HS xếp loại Đạt giảm 3,12%, loại CĐ tăng 1,88%.

+ Khối 8: Tỉ lệ HS xếp loại Tốt giảm 2,76%, Khá tăng 5,34% ; HS xếp loại Đạt giảm 3,68%, loại CĐ tăng 1,1%.

- Về Kết quả rèn luyện so với cùng kì năm học 2022-2023:

+ Khối 6: Tỉ lệ HS xếp loại Tốt giảm 1,96%, Khá tăng 1,96%; Không có HS xếp loại Đạt, CĐ.

+ Khối 7: Tỉ lệ HS xếp loại Tốt giảm 0,51%, Khá tăng 0,54% ; HS xếp loại Đạt giữ nguyên 01 HS.

+ Khối 8: Tỉ lệ HS xếp loại Tốt giảm 2,76%, Khá tăng 1,72% ; HS xếp loại Đạt giữ nguyên 01 HS.

* Đối với khối 9 thực hiện theo chương trình GDPT 2006:

BẢNG THỐNG KÊ TỈ LỆ XẾP LOẠI HỌC LỰC VÀ HẠNH KIỂM

Năm học 2023 - 2024

STT	Lớp	Số	Học lực										Hạnh kiểm							
			Giỏi		Khá		Trung bình		Yếu		Kém		Tốt		Khá		Trung bình		Yếu	
			SL	TL	SL	TL	SL	TL	SL	TL	SL	TL	SL	TL	SL	TL	SL	TL	SL	TL
TỔNG CỘNG		98	38	38,78%	40	40,82%	20	20,41%	0	0,00%	0	0,00%	86	87,76%	12	12,24%	0	0,00%	0	0,00%
Khối 9		98	38	38,78%	40	40,82%	20	20,41%	0	0,00%	0	0,00%	86	87,76%	12	12,24%	0	0,00%	0	0,00%
1	9/1	33	14	42,42%	12	36,36%	7	21,21%	0	0,00%	0	0,00%	29	87,88%	4	12,12%	0	0,00%	0	0,00%
2	9/2	32	8	25,00%	17	53,13%	7	21,88%	0	0,00%	0	0,00%	29	90,63%	3	9,38%	0	0,00%	0	0,00%
3	9/3	33	16	48,48%	11	33,33%	6	18,18%	0	0,00%	0	0,00%	28	84,85%	5	15,15%	0	0,00%	0	0,00%

- Về Hạnh kiểm so với cùng kì năm học 2022-2023: Tỉ lệ hạnh kiểm Tốt giảm 5,79%, Khá tăng 6,86%, Không còn hạnh kiểm trung bình, yếu.

- Về Học lực so với cùng kì năm học 2022-2023: Tỉ lệ Học lực giỏi tăng 5,45%, Khá giảm 12,94%, TB tăng 9,08%, Không có HS yếu.

* Tồn tại: Vẫn còn một số học sinh có ý thức học tập chưa tốt, còn ham chơi,

lơ là, biếng học, bỏ học nhiều ngày, không tham gia học phụ đạo đầy đủ. Nhiều phụ huynh không quan tâm đến con em mình, giao hết cho nhà trường.

V. Đánh giá chung

1. Kết quả nổi bật

- Tổ chức triển khai thực hiện tốt kế hoạch, chương trình giáo dục đặc biệt là chương trình GDPT 2018 theo hướng dẫn của ngành.

- Thực hiện hiệu quả các phương pháp và hình thức dạy học, phương pháp và hình thức kiểm tra đánh giá theo quy định tại các Thông tư cũng như hướng dẫn của ngành, đảm bảo dạy học theo định hướng phát triển năng lực, phẩm chất học sinh, đặc biệt thực hiện tốt chuyển đổi số trong dạy học và quản lý.

- Tổ chức tốt các hoạt động trải nghiệm- hướng nghiệp, hoạt động giáo dục ngoài giờ lên lớp theo chương trình, kế hoạch, Đặc biệt tổ chức tốt Hội khỏe Phù Đổng, các hoạt động ngoại khóa, tuyên truyền.

2. Tồn tại, hạn chế:

- Cơ sở vật chất chưa đảm bảo nhất là phòng bộ môn chưa đạt chuẩn (đã có Quyết định phê duyệt dự án, phê duyệt kế hoạch lựa chọn nhà thầu nhưng chưa triển khai xây dựng), các phòng chức năng còn thiếu nhiều.

- Nhiều bộ môn còn thiếu giáo viên như: Toán, Lịch sử-Địa lý, KHTN, GDCD, Mỹ thuật, Âm nhạc đặc biệt nhiều năm không có TPT Đội nên việc hợp đồng giáo viên, phân công chuyên môn rất khó khăn ảnh hưởng chất lượng dạy và học.

VI. Kiến nghị, đề xuất

*** Đối với Phòng GD&ĐT:**

- Tích cực cùng với nhà trường tham mưu cấp trên sớm đảm bảo CSVC và nhân sự giáo viên để thực hiện tốt chương trình hiện hành và đáp ứng CTGDPT 2018.

- Nhiều đề khảo sát HSG quá khó đối với học sinh (các môn có tỉ lệ điểm 0 nhiều). Nên ra đề đảm bảo có số điểm cơ bản để khuyến khích các em.

Trên đây là báo cáo kết quả thực hiện nhiệm vụ giáo dục năm học 2023-2024 của trường THCS Nguyễn Trãi./.

Nơi nhận:

- Phòng GD-ĐT (báo cáo);
- Các tổ CM, đoàn thể nhà trường;
- CB, GV, NV Trường;
- Lưu: VT

HIỆU TRƯỞNG

Bùi Văn Quang